

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 5 năm 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa Anh Hà Văn T và chị Triệu Thị H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Mạnh Tiến
2. Ông Nguyễn Văn Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 366/2019/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1987. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Triệu Thị H, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Anh Hà Văn T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Triệu Thị H kết hôn với nhau từ ngày 15/9/2009. Trước khi kết hôn, anh chị được tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ

chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là UBND phường X), thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sau đó chị Hạnh đi làm thuê ở thành phố B và càng ít về nhà, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Khoảng gần 01 năm trở lại đây chị Hạnh thường xuyên không về nhà, chỉ là thi thoảng gọi điện thoại về hỏi thăm con. Đến tháng 4 năm 2018, anh và chị Hạnh chính thức ly thân. Từ đó đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, anh yêu cầu được ly hôn chị Triệu Thị H.

Về con chung: Anh và chị Hạnh có 02 con chung là Hà Diệu L, sinh ngày 11/4/2010 và Hà Gia B, sinh ngày 28/8/2012, hiện con chung đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang làm cai xây dựng, thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc với bà Hà Thị Quang là mẹ đẻ của Anh Hà Văn T, bà Quang cho biết: Năm 2009, bà tổ chức đám cưới cho anh Thắng với chị Hạnh. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là UBND phường X), thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình bà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H đi làm xa (ở B, địa chỉ cụ thể thì bà không biết), ít về nhà, không quan tâm đến chồng con, gia đình. Vợ chồng có to tiếng, cãi nhau. Khi anh chị có mâu thuẫn, gia đình bà có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị H làm gì, ở đâu thì bà không nắm được, chị H và anh T hiện không còn chung sống với nhau. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị H thì quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Diệu L, sinh ngày 11/4/2010 và Hà Gia B, sinh ngày 28/8/2012. Cả hai cháu do anh T nuôi dưỡng từ khi chị H bỏ nhà đi đến nay. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giao hai con cho anh T nuôi dưỡng, vì các cháu đã quen được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Qua làm việc với bà Đàm Thị N là mẹ đẻ của chị Triệu Thị H, bà N cho biết: Chị H và anh T kết hôn năm 2009, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, anh chị về chung sống tại gia đình anh T. Quá trình chung sống anh T và chị H mâu thuẫn như thế nào thì bà không nắm được, hiện tại vợ chồng còn chung sống với nhau hay không thì bà không nắm được. Từ sau tết năm 2018 đến nay, chị H đi làm ăn không trở về địa phương nữa. Chị H chỉ nói là đi làm ăn kiếm tiền về xây nhà, còn cụ thể chị H làm gì hay ở đâu thì bà không nắm được. Chị H cũng không liên lạc về nhà. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, hiện 02 cháu đang ở cùng anh T. Trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải...và các văn bản tố tụng khác của Tòa án tại nơi chị Triệu Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng chị Triệu Thị H đều không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến, quan điểm và hòa giải.

Tòa án mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng chị H đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 22/4/2019, do chị H vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Hà Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

- Chị Triệu Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- * Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- + Về quan hệ vợ chồng: Anh Hà Văn T được ly hôn chị Triệu Thị H.

- + Về con chung: Giao cho Anh Hà Văn T nuôi dưỡng hai con chung là Hà Diệu L, sinh ngày 11/4/2010 và Hà Gia B, sinh ngày 28/8/2012. Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là chị Triệu Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị H.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Triệu Thị H kết hôn ngày 15/9/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là UBND phường X), thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của anh T và các tài liệu có trong hồ sơ xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho anh T được ly hôn chị H (theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hà Diệu L, sinh ngày 11/4/2010 và Hà Gia B, sinh ngày 28/8/2012, hiện hai con chung đang ở cùng anh T. Vợ chồng ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H không có mặt, không có ý kiến gì về con chung. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh Thắng, cần giao hai con chung là Hà Diệu L, sinh ngày 11/4/2010 và Hà Gia B, sinh ngày 28/8/2012 cho anh T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. (Theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Hà Văn T được ly hôn chị Triệu Thị H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Hà Diệu L, sinh ngày 11/4/2010 và Hà Gia B, sinh ngày 28/8/2012 cho Anh Hà Văn T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000162 ngày 03/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
 - CCTHA-DS TP B;
 - TAND tỉnh Bắc Giang;
 - Các đương sự;
 - UBND phường X,
- TP B;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Chuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Thắng

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ,
TP Bắc Giang.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng